

Số: 03 /2016/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 19 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2014 của Chính
phủ quy định tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng
3 năm 2015 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ hướng
dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn về
nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban
hành và thay thế Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2009 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức và biên chế của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám
đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03 /2016/QĐ-UBND ngày 19 /01/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chức năng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; quy hoạch phòng, chống thiên tai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức thuộc Sở; Trưởng phòng, Phó trưởng

phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; dự thảo quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực nông nghiệp của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc tỉnh.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về nông nghiệp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y):

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa, xói mòn đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện công tác giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh động vật, thực vật đối với sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định; thực hiện kiểm dịch cửa khẩu về động vật, thực vật theo quy định;

đ) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hoá thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

e) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về giết mổ động vật theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

5. Về lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho cấp huyện và cấp xã sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về giống cây lâm nghiệp; tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng, chữa cháy rừng;

e) Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng và thiết kế công trình lâm sinh; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, trồng cây lâm nghiệp phân tán, khoanh nuôi, tái sinh, phục hồi rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển cây lâm nghiệp theo quy định;

g) Hướng dẫn, kiểm tra: việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

h) Thanh tra, kiểm tra, xử lý và tham mưu xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng theo các quy định của pháp luật.

6. Về thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về nuôi trồng, khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản; hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về xác lập khu bảo tồn vùng nước nội địa của địa phương; quy chế quản lý khu bảo tồn vùng nước nội địa do địa phương quản lý và quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản; tổ chức tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định;

đ) Quản lý thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất để xử lý, cải tạo môi trường dùng trong thủy sản theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

g) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn theo quy định.

7. Về thủy lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước thủy lợi, công trình thủy lợi và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước thủy lợi; các công trình thủy lợi thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi; phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trong phạm vi của địa phương theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

8. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện theo quy định; định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

đ) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông

ng nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông, lâm, thủy sản và muối; lĩnh vực cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Thực hiện công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản.

10. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản;

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định;

d) Xử lý thực phẩm mất an toàn theo hướng dẫn của Cục quản lý chuyên ngành và quy định pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật;

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật.

12. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định của pháp luật.

13. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân công, uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

14. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn

biển đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diển biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản và hoạt động thống kê phục vụ yêu cầu quản lý theo quy định.

15. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

16. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định của pháp luật.

17. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản của tỉnh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

18. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

20. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

21. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

22. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng nông thôn mới; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; quản lý buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

24. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

25. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của văn phòng, phòng chuyên môn nghiệp vụ, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

26. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

27. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật, theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

28. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

29. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở: Gồm Giám đốc và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc

a) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và các công việc được Ủy ban nhân

dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Giám đốc Sở khác, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở;

b) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

c) Việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chức danh của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và theo quy định của pháp luật. Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không kiêm nhiệm Chi cục trưởng các chi cục trực thuộc; trường hợp phải kiêm nhiệm cũng không được quá 12 tháng. Việc miễn nhiệm điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở (06 tổ chức)

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Quản lý xây dựng công trình;
- Phòng Thủy sản.

3. Các Chi cục thuộc Sở (06 tổ chức)

a) Chi cục Kiểm lâm: Có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó chi cục trưởng; 19 tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Phòng Hành chính, tổng hợp;
 - + Phòng Thanh tra - Pháp chế;
 - + Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên;
 - + Phòng Sử dụng và phát triển rừng;

+ Phòng Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng.

- 13 Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố (trong đó có Trạm Kiểm lâm Khu rừng Đặc dụng Phía Bắc - Phía Đông thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Nguyên Bình, Trạm Kiểm lâm Khu Bảo tồn loài sinh cảnh vượn Cao Vít, Trùng Khánh thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Trùng Khánh).

- Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng; 25 tổ chức chuyên môn nghiệp vụ gồm:

- 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, tổng hợp;

+ Phòng Thanh tra - Pháp chế;

+ Phòng Trồng trọt;

+ Phòng Bảo vệ thực vật.

- 13 Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật các huyện, thành phố.

- 08 Trạm Kiểm dịch thực vật:

+ Trạm kiểm dịch thực vật nội địa;

+ Trạm kiểm dịch thực vật cửa khẩu Phục Hoà;

+ Trạm kiểm dịch thực vật cửa khẩu Hà Quảng;

+ Trạm kiểm dịch thực vật cửa khẩu Trà Lĩnh;

+ Trạm kiểm dịch thực vật cửa khẩu Trùng Khánh;

+ Trạm kiểm dịch thực vật cửa khẩu Bí Hà - Hạ Lang;

+ Trạm kiểm dịch thực vật cửa khẩu Lý Vạn - Hạ Lang;

+ Trạm kiểm dịch thực vật cửa khẩu Đức Long - Thạch An.

c) Chi cục Thủy lợi: Có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng; 08 tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, tổng hợp;

+ Phòng Thanh tra - Pháp chế;

+ Phòng Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn;

+ Phòng Phòng chống thiên tai.

- 04 Trạm Thủy lợi:

+ Trạm Thủy lợi Hoà An, Hà Quảng, Thông Nông;

+ Trạm Thủy lợi Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm;

- + Trạm Thủy lợi Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Hạ Lang;
- + Trạm Thủy lợi Thạch An, Phục Hoà, Quảng Uyên.

d) Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng; 25 tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Phòng Hành chính, tổng hợp;
 - + Phòng Thanh tra - Pháp chế;
 - + Phòng Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi;
 - + Phòng Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi;
 - + Phòng Quản lý dịch bệnh.
- 13 Trạm Chăn nuôi và Thú y các huyện, thành phố:
- Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật.
- 06 Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu:
 - + Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Bí Hà - Hạ Lang;
 - + Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Phục Hoà;
 - + Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Trà Lĩnh;
 - + Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Hà Quảng;
 - + Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Trùng Khánh;
 - + Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Thạch An.

đ) Chi cục Phát triển nông thôn: Có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng; 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- + Phòng Hành chính, tổng hợp;
- + Phòng Kinh tế hợp tác và trang trại;
- + Phòng Phát triển nông thôn và bố trí dân cư;
- + Phòng Cơ điện, ngành nghề nông thôn.

e) Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản: Có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng; 10 tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Phòng Hành chính, tổng hợp;
 - + Phòng Thanh tra- Pháp chế;
 - + Phòng Quản lý chất lượng;
 - + Phòng chế biến thương mại nông sản.

- 06 Trạm Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản liên huyện:
+ Trạm Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Trùng Khánh, Trà Lĩnh;
+ Trạm Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Quảng Uyên, Hạ Lang;
+ Trạm quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình;

+ Trạm quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thông Nông, Hà Quảng, Hoà An;

+ Trạm quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Phục Hoà, Thạch An;

+ Trạm quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thành phố Cao Bằng.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở (08 tổ chức)

a) Trung tâm Khuyến nông: Có 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Thông tin huấn luyện; Phòng Chuyên giao tiến bộ kỹ thuật.

b) Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản: Có 06 tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, tổng hợp;

+ Phòng Giống cây trồng;

+ Phòng Giống vật nuôi, thủy sản.

- 03 Trại

+ Trại Cá giống cấp I;

+ Trại Giống vật nuôi;

+ Trại Giống cây trồng Nông lâm nghiệp.

c) Ban Quản lý rừng đặc dụng Phia Oắc - Phia Đén: Có 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm Phòng Hành chính, tổng hợp; Phòng Quản lý và bảo vệ rừng.

d) Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

đ) Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nguyên Bình.

e) Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Thạch An.

g) Ban Quản lý rừng phòng hộ sông Quây Sơn huyện Trùng Khánh.

h) Ban Quản lý rừng phòng hộ sông Lô Gâm huyện Bảo Lạc.

Điều 4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở

1. Người đứng đầu các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn, trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao phụ trách.

2. Cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là người giúp người đứng đầu phụ trách theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu uỷ nhiệm cho một cấp phó điều hành hoạt động của đơn vị.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 02 người.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Về công chức, viên chức, người lao động

1. Công chức, viên chức, người lao động trong các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước thủ trưởng đơn vị, trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

2. Biên chế công chức, viên chức (biên chế sự nghiệp), người lao động trong các phòng, ban chuyên môn, đơn vị do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số biên chế công chức, viên chức thuộc Sở Nông nghiệp đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, nâng ngạch, bổ nhiệm vào ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động trong các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo phân cấp hiện hành.

4. Căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức, phẩm chất, năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc bố trí công tác đối với công chức, viên chức, người lao động nhưng phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

5. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất, khối lượng công việc thực tế tại đơn vị, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phân cấp cho người đứng đầu đơn vị trực thuộc Sở ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc, nhiệm vụ cụ thể tại các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các đơn vị: Trung tâm Điều tra, Quy hoạch, thiết kế Nông lâm nghiệp; Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật; Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn không quy định tại quyết định này tiếp tục giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể về cơ cấu, tổ chức của các đơn vị này.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tổ chức triển khai, thực hiện quy định này và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Trên cơ sở quy định này và các văn bản pháp luật liên quan đề tổ chức xây dựng và ban hành quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc.

3. Dự thảo quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện quy định này.

2. Tổng hợp báo cáo việc triển khai quy định này theo quy định.

3. Thẩm định quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó trưởng phòng các phòng, ban và đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng, Phó trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện, Phòng Kinh tế cấp thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên điều chỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi hoặc bổ sung, thay thế Quy định này cho phù hợp. ↘

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh